

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2023

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tấn Lãnh và bà Huỳnh Thị Thu Trang.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Kim Vinh - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên – Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 111/2022/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định thay đổi hội thẩm số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023 của TAND huyện S giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1984; địa chỉ: Buôn X, xã Y, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn:* Anh **Phạm Tiến N, sinh năm 1983; địa chỉ: Buôn X, xã Y, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn đề ngày 18 tháng 9 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Z, huyện S, tỉnh Phú Yên vào ngày 11 tháng 8 năm 2009. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm

2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh N ham mê cờ bạc, đánh đập vợ trước mặt con. Chị D đã gửi đơn đến Tòa xin ly hôn nhưng vì thương con, chị đã rút đơn để đoàn tụ. Sau đó, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, chị D đã nhiều lần bỏ qua để hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh N vẫn tính nết ỷ lại, không thay đổi. Vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm, đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022, chị D đã mang tài sản ra ở riêng tại nhà chị gái của chị D (tạm trú tại nhà chị Huỳnh Thị Ngọc U, trú quán: Buôn X, xã Y, huyện S) từ tháng 10 năm 2022 đến nay. Vì vậy, chị D yêu cầu Tòa cho ly hôn anh Phạm Tiến N.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị D và anh N có ba con chung, cụ thể:

- + Phạm Huỳnh Gia H, sinh ngày 14-9-2010; giới tính: Nữ;
- + Phạm Tiến Quốc A1, sinh ngày 10-7-2012; giới tính: Nam;
- + Phạm Tiến Phúc A2, sinh ngày 10-10-2017; giới tính: Nam.

Sau khi ly hôn, chị D xin được nuôi cả ba con chung, không cần anh N cấp dưỡng nuôi con chung, hiện tại cả ba con đều đang sinh sống với chị D và có bản tự khai của hai con (Phạm Huỳnh Gia H và Phạm Tiến Quốc A1) đều có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn cả hai con sẽ ở với mẹ, riêng Phạm Tiến Phúc A2, sinh ngày 10-10-2017 chưa đủ bảy tuổi, không thuộc diện phải có bản tự khai nhưng vẫn xin ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn.

Về tài sản chung: Chị D và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn: Anh Phạm Tiến N đã có bản tự khai trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, về con và về tài sản thống nhất như chị D trình bày. Do thời gian gần đây, công việc làm ăn của anh N không được thuận lợi và tính tình hơi nóng nên vợ chồng có xảy ra cãi vã, phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến xô xát. Anh N biết lỗi và hứa sẽ sửa đổi, mong muốn được tiếp tục chăm lo vợ con, mong chị D bỏ qua, không đồng ý ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N, chị D không yêu cầu thẩm tra xác minh chứng cứ, tài liệu khác. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra chứng cứ để chứng minh hoặc có đơn yêu cầu thẩm tra, xác minh. Tuy nhiên, để bảo đảm việc xác thực tình trạng hôn nhân, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của nguyên đơn và bị đơn cho thấy, những năm gần đây chị D và anh N phát sinh mâu thuẫn, từ đó anh N có đánh đập vợ, chị D có báo cáo với chính quyền địa phương để can thiệp.

TAND huyện S đã tiến hành hòa giải để đoàn tụ gia đình nhưng không thành.

Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh N, tiếp tục xin được nuôi cả ba con chung và tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra chứng cứ để chứng minh hoặc có đơn yêu cầu thẩm tra, xác minh. Tại phiên tòa, anh N tiếp tục vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần (lần thứ nhất xử ngày 05-01-2023, do vắng mặt bị đơn nên phải hoãn phiên tòa). Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành tổng đạt và xét xử vắng mặt.

Về tài sản: Chị D, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu: Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Chị D và anh N đăng ký kết hôn tại UBND xã Z, huyện S, tỉnh Phú Yên vào ngày 11-8-2009 nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau và có ba con chung nhưng đều theo ở với mẹ, chị D chấp nhận nuôi cả ba con không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, về tài sản thì chị D, anh N không yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh N không có mặt, xem như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D, cho chị D ly hôn với anh Phạm Tiến N.

Về con chung: Chị D và anh N có ba con chung, cụ thể:

- + Phạm Huỳnh Gia H, sinh ngày 14-9-2010; giới tính: Nữ;
- + Phạm Tiến Quốc A1, sinh ngày 10-7-2012; giới tính: Nam;
- + Phạm Tiến Phúc A2, sinh ngày 10-10-2017; giới tính: Nam.

Sau khi ly hôn, chị D xin được nuôi cả ba con chung, không cần anh N cấp dưỡng nuôi con chung, hiện tại cả ba con đều đang sinh sống với chị D và có bản tự khai của hai con (Phạm Huỳnh Gia H và Phạm Tiến Quốc A1) đều có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn cả hai con sẽ ở với mẹ, riêng Phạm Tiến Phúc A2, sinh ngày 10-10-2017 chưa đủ bảy tuổi, không thuộc diện phải có bản tự khai nhưng vẫn xin ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị D và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị Huỳnh Thị Ngọc D có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị D và anh Phạm Tiến N; địa chỉ: Buôn Dành, xã Ea Bia, huyện S, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. TAND huyện S, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Z, huyện S, tỉnh Phú Yên vào ngày 11-8-2009. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay. Xét thấy, không còn tình cảm, không thể hàn gắn chung sống như vợ chồng, nên chị D xin ly hôn với anh N.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh N không đồng ý ly hôn, nhưng không đưa chứng cứ, tài liệu nào để chứng minh việc anh N còn thương yêu vợ con và có trách nhiệm chăm lo hạnh phúc gia đình. Tòa triệu tập để tham gia tố tụng đến lần thứ hai, anh N biết nhưng không đến phiên tòa là xem như tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Riêng chị D chứng minh bị đánh đập nhiều lần, nếu còn chung sống với nhau sẽ bị đe dọa nghiêm trọng đến tính mạng và việc mâu thuẫn giữa chị D và anh N thường diễn ra trong gia đình phần nào sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển trí tuệ, đời sống thường ngày của các con, hiện tại chị D và ba con đã ra ở riêng (tạm trú tại nhà chị Huỳnh Thị Ngọc U, trú quán: Buôn X, xã Y, huyện S), có biên bản xác minh tình trạng hôn nhân do chính quyền địa phương cung cấp. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[3] Về con chung: Chị D và anh N thừa nhận có con ba chung, xét điều kiện hiện tại ba con chung đang sinh sống với chị D, kinh tế thu nhập ổn định phù hợp với ý chí tự nguyện của chị D và của các con, không yêu cầu anh Nam cấp dưỡng. Xét thấy, chị D có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với ý chí nguyện vọng các con. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX chấp nhận chị D nuôi cả ba con chung mà anh Nam không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể:

- + Phạm Huỳnh Gia H, sinh ngày 14-9-2010; giới tính: Nữ;
- + Phạm Tiến Quốc A1, sinh ngày 10-7-2012; giới tính: Nam;
- + Phạm Tiến Phúc A2, sinh ngày 10-10-2017; giới tính: Nam.

Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản: Chị D và anh N không yêu cầu phân chia tài sản, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo

quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc D. Cho chị Huỳnh Thị Ngọc D ly hôn anh Phạm Tiến N.

2. *Về con chung:* Chị D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung, cụ thể:

+ Phạm Huỳnh Gia H, sinh ngày 14-9-2010; giới tính: Nữ;

+ Phạm Tiến Quốc A1, sinh ngày 10-7-2012; giới tính: Nam;

+ Phạm Tiến Phúc A2, sinh ngày 10-10-2017; giới tính: Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét và vì vậy anh N không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, nếu lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. *Về tài sản chung:* Anh N, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Huỳnh Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001271 ngày 11-10-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Phú Yên. Vì vậy, về án phí chị D đã thi hành xong.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã Ea Bia;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Châu Kha